CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Pin Hà Nội

Ngày 30/09/2024	70,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**-1.4%**	**21.4%**

DT thuần
Q3/24
123
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.0| 31.9%
YoY: ▼3.00| -2.6%

LN thuần
Q3/24
19.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.40| 29.3%
YoY: ▼4.00| -17.3%

LN sau thuế
Q3/24
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.90| 23.7%
YoY: ▼3.30| -17.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
15.6%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM)
Q3/24
39.2%
YoY: +/-▼ 7.1%

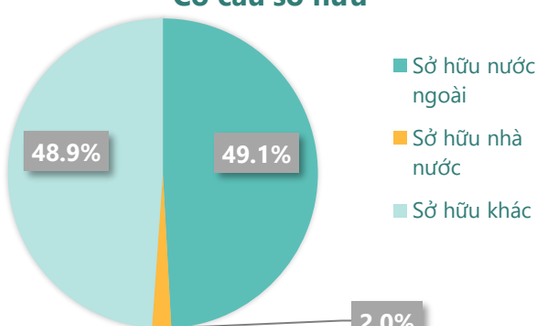
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	31,662 - 80,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	508
Số lượng CPLH (CP)	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	49.1%
Beta	0.70
EPS	8,503
P/E	8.2

DT thuần
9T 2024
342
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 3.7%

LN thuần
9T 2024
61.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.1| 27.3%

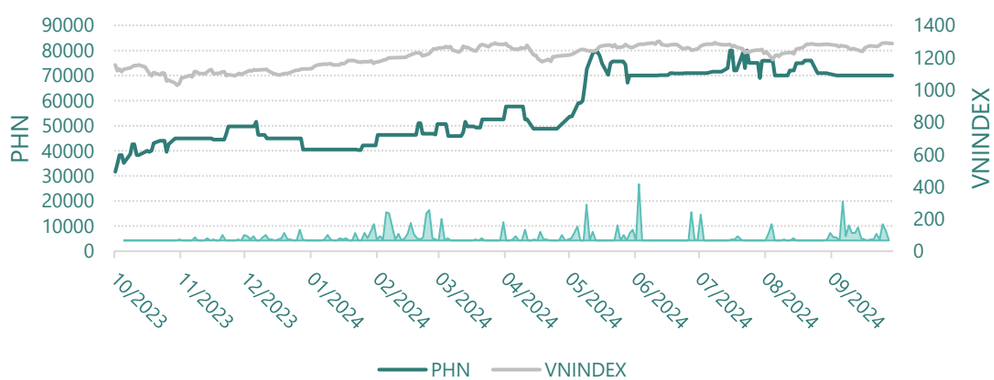
LN sau thuế
9T 2024
49.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.7| 27.5%

Cơ cấu sở hữu

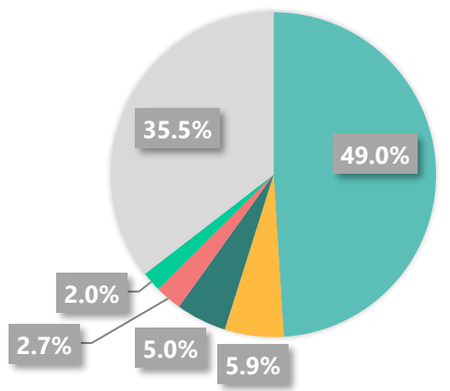


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



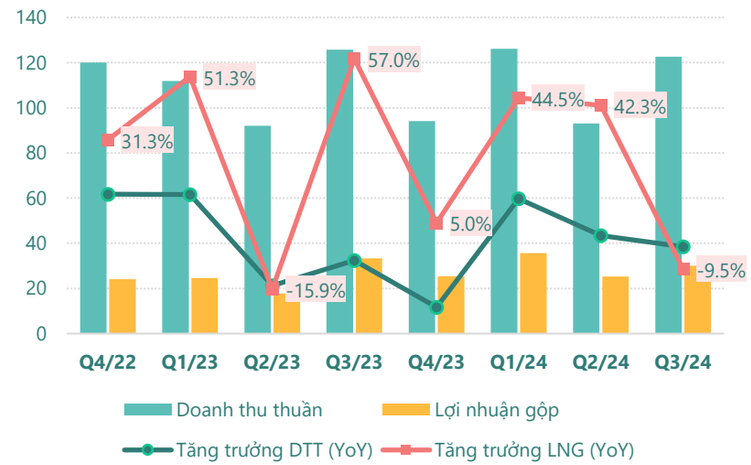
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

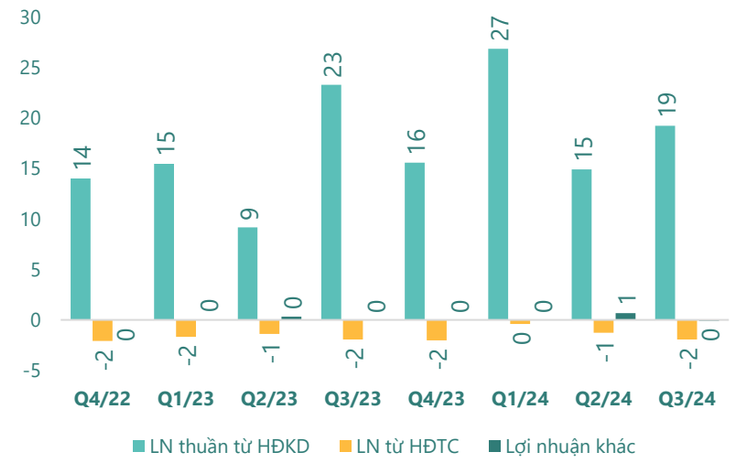
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



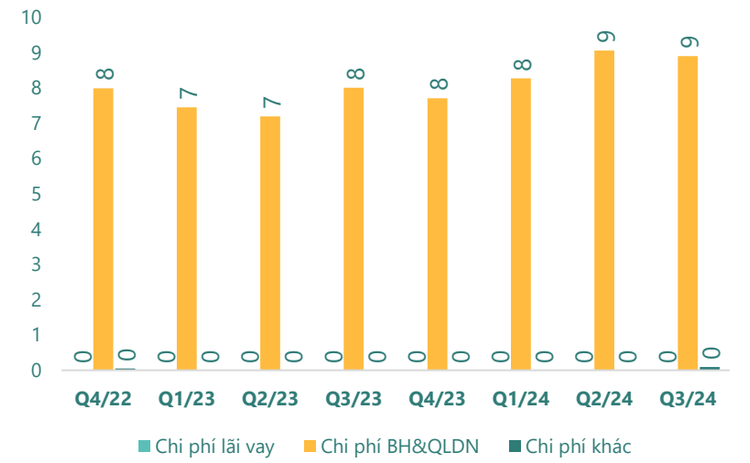
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



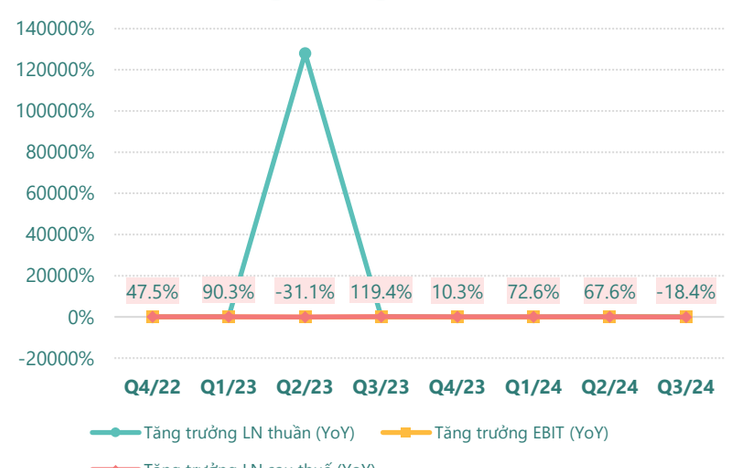
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



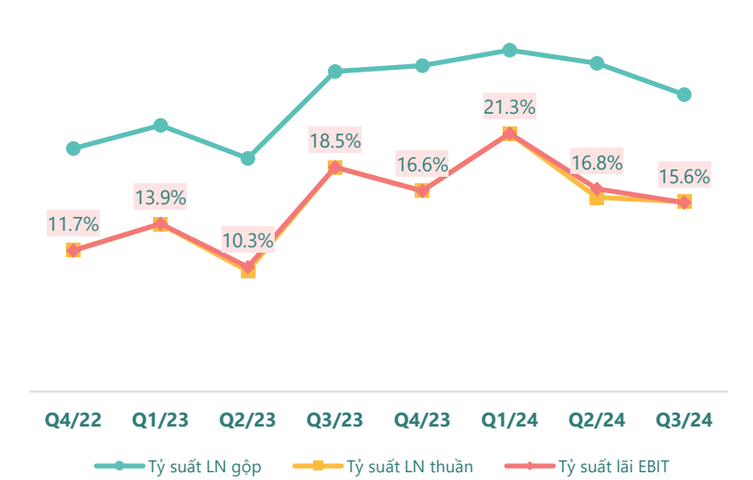
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



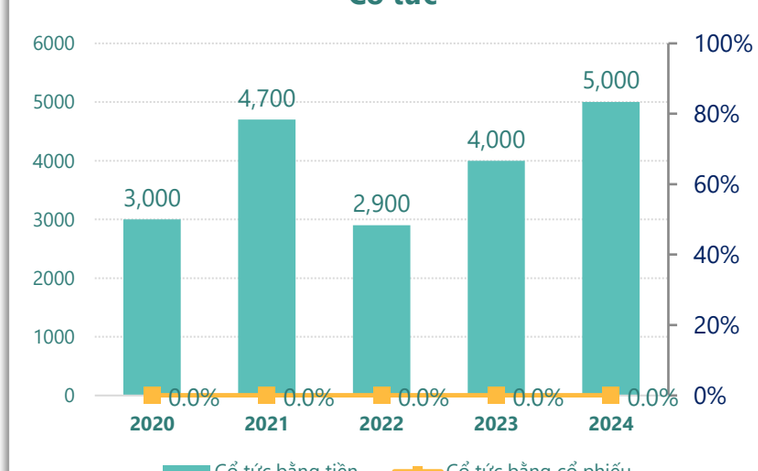
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

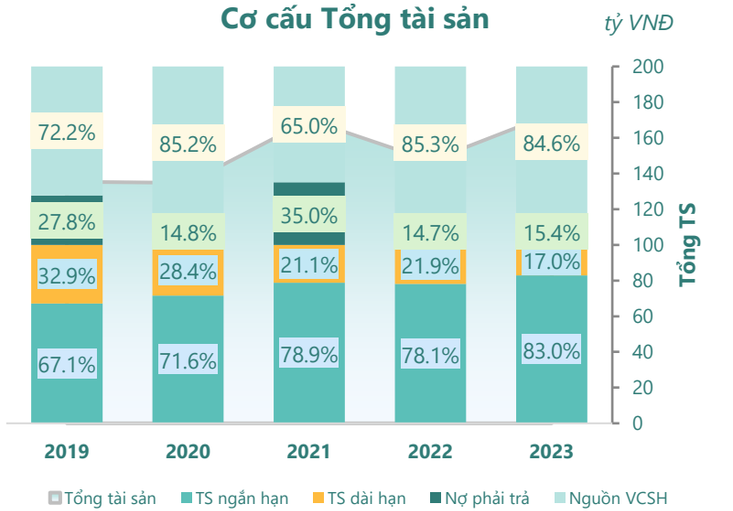
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

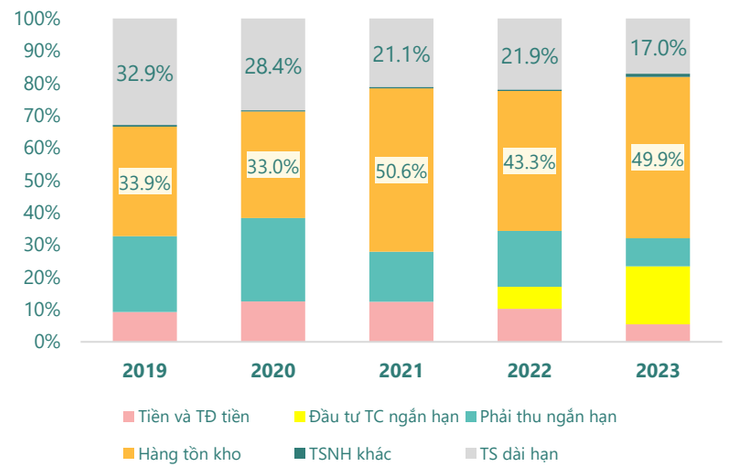
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



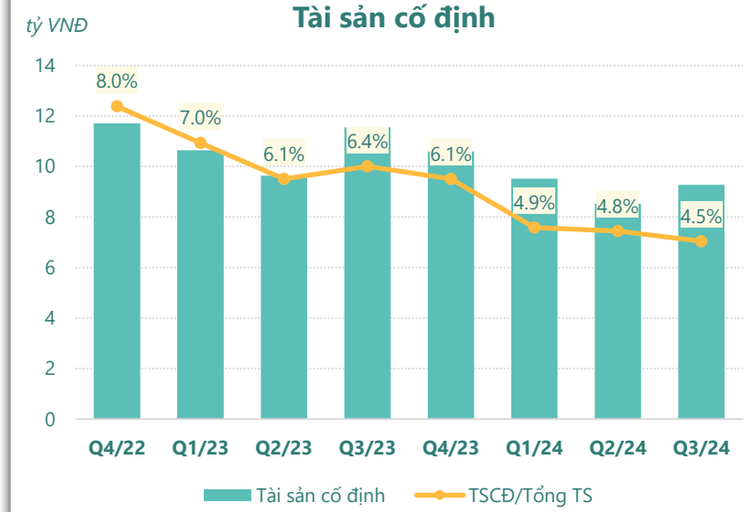
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



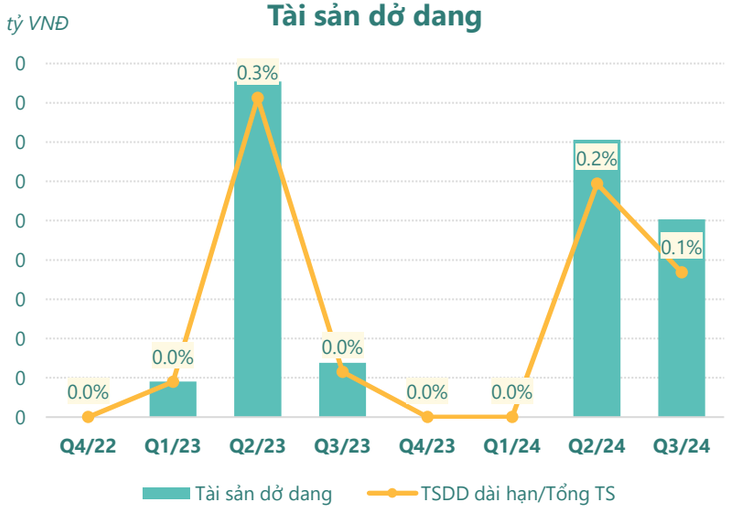
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



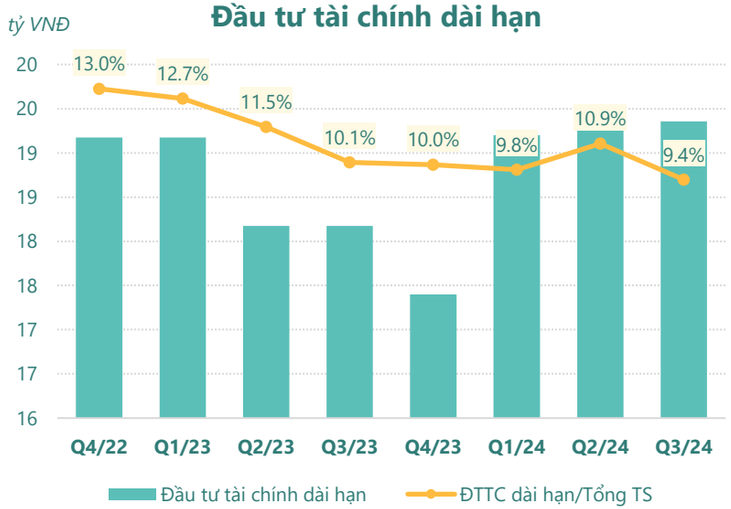
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



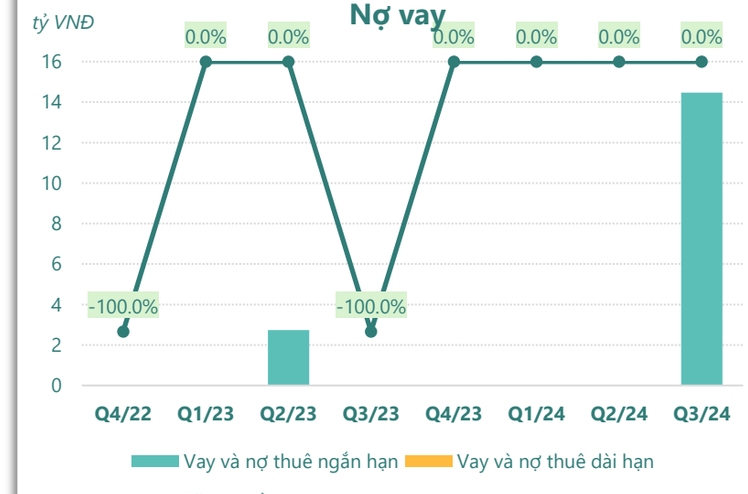
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

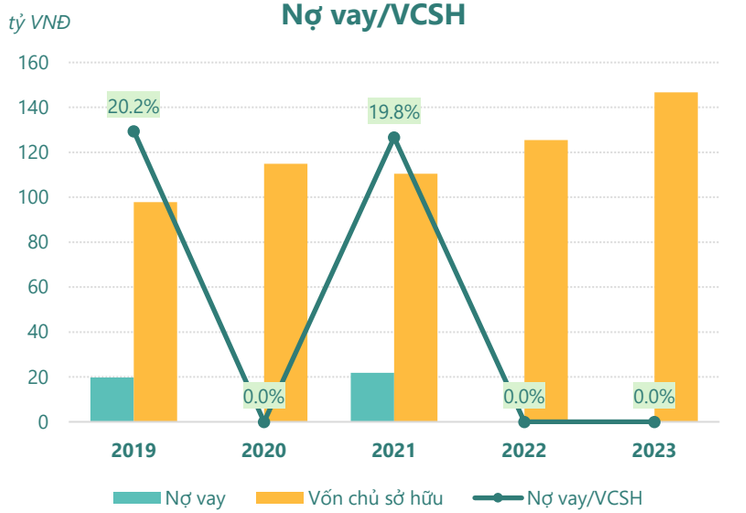
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

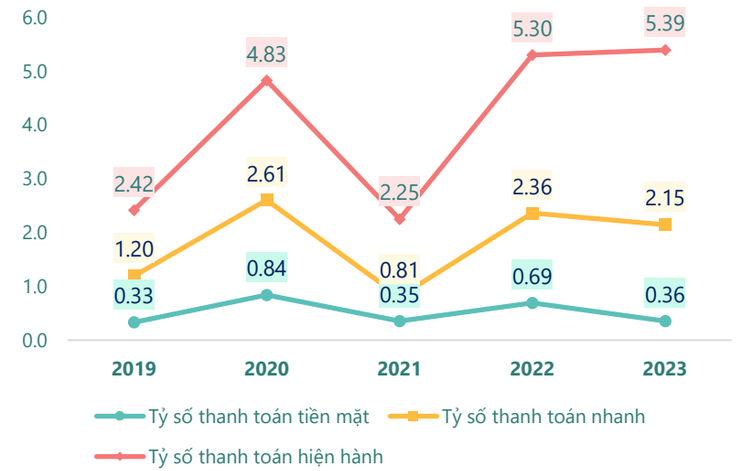
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



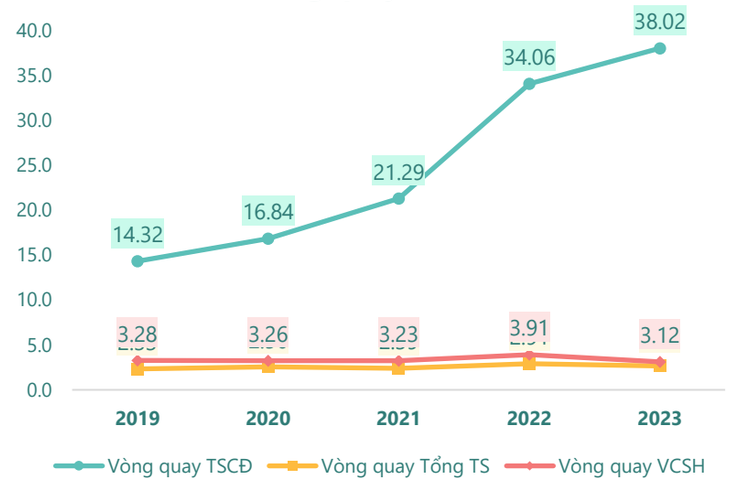
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



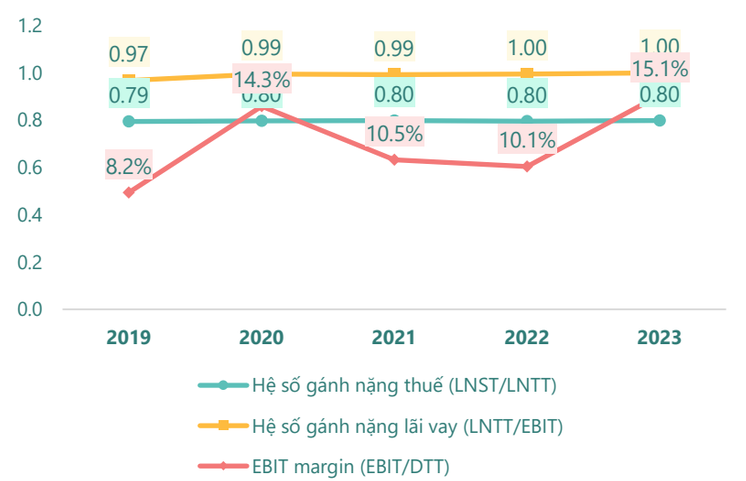
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



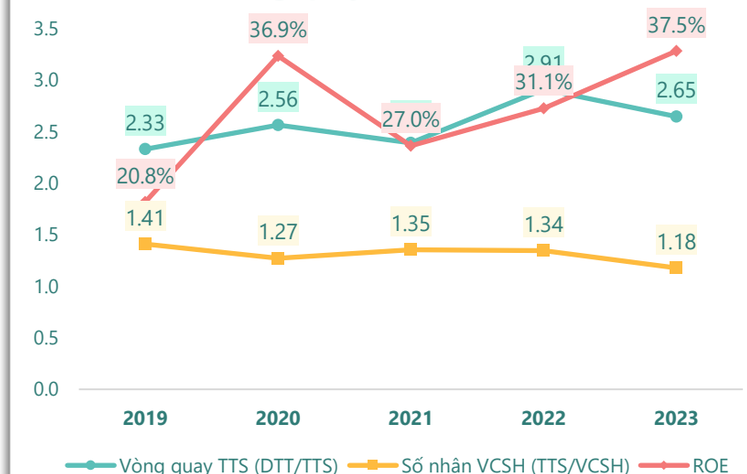
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



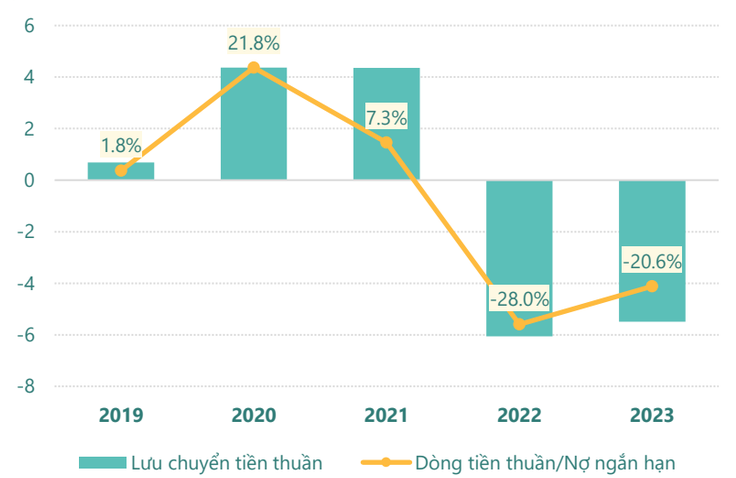
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**123**	**126**	**-2.6%**	**342**	**330**	**3.7%**
Giá vốn hàng bán	92.6	92.5	0.1%	251	254	-1.3%
Lợi nhuận gộp	30.1	33.3	-9.5%	91.0	75.7	20.2%
Doanh thu HĐTC	0.74	0.87	-15.4%	2.25	2.39	-6.0%
Chi phí TC	2.69	2.82	-4.5%	5.87	7.39	-20.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.47	3.10	12.1%	9.97	8.53	16.8%
Chi phí QLDN	**5.43**	**4.91**	**10.6%**	**16.3**	**14.1**	**15.2%**
LN thuần từ HĐKD	19.3	23.3	-17.3%	61.1	48.0	27.3%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**0.00**		**0.57**	**0.33**	**72.7%**
LN trước thuế	19.2	23.3	-17.7%	61.7	48.3	27.6%
Lợi nhuận sau thuế	**15.3**	**18.6**	**-17.5%**	**49.3**	**38.6**	**27.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.3**	**18.6**	**-17.5%**	**49.3**	**38.6**	**27.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.34	42.3	-10.9	30.9	13.3	-3.21
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.67	-16.4	9.31	-20.0	10.1	-9.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.50	-2.77	-21.8	-0.03	-36.2	15.4
Tiền đầu kỳ	13.5	9.75	32.8	9.48	20.4	7.54
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.82**	**23.1**	**-23.3**	**10.9**	**-12.9**	**2.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	-0.09	0.00	0.00	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	9.75	32.8	9.48	20.4	7.54	10.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**205**	**173**	**18.3%**
Tài sản ngắn hạn	175	144	21.6%
Tiền và tương đương tiền	10.3	9.48	8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	31.0	67.7%
Phải thu ngắn hạn	29.4	15.0	95.5%
Hàng tồn kho	82.2	86.6	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	1.73	-42.3%
Tài sản dài hạn	**30.1**	**29.5**	**1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.28	10.6	-12.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.25	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	19.4	17.4	11.2%
Tài sản dài hạn khác	**1.22**	**1.55**	**-21.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.6	26.7	74.9%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**26.7**	**74.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.5	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.81	8.45	16.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**158**	**147**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**158**	**147**	**8.0%**
Vốn điều lệ	72.5	72.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)